

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME



**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 1&3, Tòa nhà Sky City, 88  
Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (844) 3776 5929  
Fax: (844) 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: Tầng 9, 115 Trần Hưng Đạo,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (844) 3776 5929  
Fax: (844) 3822 3131

**Chi nhánh TP Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Tầng 2, Số 180-192  
Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP HCM  
Điện thoại: (848) 3521 4299  
Fax: (848) 3914 1969



---

# MỤC LỤC



<b>03</b>	THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
<b>05</b>	GIỚI THIỆU CÔNG TY
<b>10</b>	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
<b>13</b>	CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG VÀ TỈ LỆ SỞ HỮU
<b>14</b>	SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
<b>15</b>	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
<b>19</b>	BAN KIỂM SOÁT
<b>20</b>	NHÂN SỰ CHỦ CHỐT
<b>24</b>	TỔNG KẾT KINH TẾ VĨ MÔ & TTCK NĂM 2015 VÀ DỰ BÁO NĂM 2016
<b>27</b>	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015 VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN 2016
<b>30</b>	BÁO CÁO TÀI CHÍNH



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị!

Năm 2015 có thể nói là một năm thăng trầm của thị trường chứng khoán Việt Nam. Đây là năm thị trường chịu nhiều tác động từ yếu tố bên ngoài như sự lao dốc của giá dầu thế giới, Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ, thị trường chứng khoán Trung Quốc giảm mạnh, dịch chuyển dòng vốn quốc tế... Bên cạnh đó, việc điều chỉnh các chính sách của Nhà nước như Thông tư 36/2014/TT-NHNN có hiệu lực từ 1/2/2015 tác động đến giảm đầu tư cho vay của các công ty chứng khoán, Nghị định 60/2015/NĐ-CP có hiệu lực từ 1/9/2016 nới room của nhà đầu tư nước ngoài, Nghị định 42/2015/NĐ-CP quy định về chứng khoán phái sinh... cũng ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường. Mặc dù vậy, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam năm 2015 đã được đánh giá là điểm sáng thu hút dòng vốn gián tiếp so với các nước trong khu vực. Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12/2015 VN-Index đóng cửa mở mức 579,02 điểm tăng 6,1%, đây là mức tăng khiêm tốn của thị trường khi trải qua những thách thức trên.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime (MSI) đã đánh dấu những bước tiến vững chắc trên thị trường chứng khoán trong năm 2015. Cùng với danh hiệu "Công ty Chứng khoán có số lượng tài khoản tăng trưởng tốt nhất" được Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX) ghi nhận trong 2 năm liên tiếp 2014-2015, MSI đã vươn lên mạnh mẽ và gặt hái nhiều danh hiệu cũng như giải thưởng cao quý. Cụ thể, MSI đã lần đầu tiên lọt vào "Top 10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại HNX", "Top 10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại UpCom", đồng thời MSI đã được ghi tên trong "Top 10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu tại HSX". Ngoài ra, diễn đàn M&A Việt Nam vinh danh MSI là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu 2014-2015". Các danh hiệu trên đã phần nào nói lên những cố gắng, nỗ lực của MSI trên chặng đường vừa qua.

Năm 2016, kinh tế thế giới được dự báo đang trên đà hồi phục, tuy nhiên vẫn còn một số nguy cơ tiềm ẩn như vấn đề khủng bố, di cư và một số diễn biến căng thẳng chính trị. Đối với Việt Nam, năm 2016 kinh tế vĩ mô được dự báo sẽ tiếp tục ổn định theo hướng tích cực, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp được cải thiện, nhiều doanh nghiệp sẽ được hưởng lợi khi hiệp định TPP chính thức được phê chuẩn. Bên cạnh đó, các chính sách phát triển thị trường bắt đầu đi vào quỹ đạo, nguồn cung thị trường tăng với các kế hoạch thoái vốn ngoài ngành và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Đó chính là những yếu tố tích cực thúc đẩy thị trường chứng khoán Việt Nam.

Đối với MSI, năm 2016 là thời điểm hoàn thành bước ngoặt lớn của mình trên chặng đường phát triển, dự báo là năm bứt phá sau 3 năm xây dựng nền tảng thành công. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực, chung sức của tất cả các thành viên MSI nhằm đưa công ty lên một tầm cao mới.

Để có được những thành công của ngày hôm nay, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới tất cả Quý Khách hàng và Đối tác của công ty, những người đã, đang và sẽ luôn sát cánh, chia sẻ những khó khăn và thành công với chúng tôi trong suốt những năm qua và trong tương lai, cảm ơn các bạn đồng nghiệp vì những đóng góp tích cực và sáng tạo của các bạn vì sự phát triển của MSI. Tôi tin rằng MSI sẽ là nơi để tất cả Quý vị tiếp tục đặt niềm tin và tạo dựng thành công.

Trân trọng!

Lê Đình Ngọc

Chủ tịch Hội đồng quản trị

# GIỚI THIỆU CÔNG TY

## GIỚI THIỆU CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime (“MSI”) là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp tại Việt Nam, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đa dạng trong lĩnh vực chứng khoán. Chúng tôi cung cấp Dịch vụ Chứng khoán và Dịch vụ Ngân hàng đầu tư chuyên nghiệp cho các Khách hàng gồm các doanh nghiệp, nhà đầu tư tổ chức và các nhà đầu tư cá nhân.

Được thành lập vào năm 2008, MSI có Trụ sở chính tại Hà Nội và hai chi nhánh tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Với đội ngũ trên 160 nhân sự được đào tạo bài bản, trong đó trên 100 broker và 12 chuyên viên tư vấn IB, thương hiệu Chứng khoán MSI ngày càng được khẳng định.

MSI vinh dự hai năm liên tiếp 2014, 2015 nhận giải thưởng “Công ty chứng khoán có tăng trưởng số lượng tài khoản tốt nhất” từ Sở Giao Dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX) và được Diễn đàn M&A Việt Nam vinh danh “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu năm 2014-2015”. MSI tự hào nằm trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại UpCom và Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX).

## TÂM NHÌN

Chúng tôi nỗ lực trở thành một trong các công ty chứng khoán có chất lượng tốt nhất tại Việt Nam, trên cơ sở cam kết theo các giá trị và triết lý cốt lõi của chúng tôi.

## SỨ MỆNH

Sứ mệnh của chúng tôi là tạo ra một môi trường đầu tư thuận tiện, chuyên nghiệp cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức cũng như mang tới các giải pháp tài chính tối ưu cho Khách hàng doanh nghiệp.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- 1. Hướng tới khách hàng (Client first):** luôn luôn lắng nghe và ưu tiên mọi nhu cầu của Khách hàng.
- 2. Sáng tạo (Creativity):** khuyến khích sự sáng tạo và luôn hướng đến những ý tưởng mới nhằm không ngừng mang tới cho các khách hàng những sản phẩm thông minh, có giá trị.
- 3. Tận tâm (Diligence):** theo đuổi để hoàn thành công việc được giao, để tâm tới những chi tiết nhỏ nhất.
- 4. Chuyên nghiệp (Professionalism):** thiết lập các chuẩn mực chuyên nghiệp theo các thông lệ tiên tiến và tuân thủ các chuẩn mực trong mọi hành động.
- 5. Chính trực (Integrity):** trung thực và chân thành trong những việc chúng ta làm.
- 6. Tinh thần đồng đội (Teamwork):** tôn trọng mỗi cá nhân và sự đóng góp của từng cá nhân đối với thành công chung.

## THÔNG TIN PHÁP LÝ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime (“MSI”) được thành lập theo Quyết định số 35/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận đổi tên và bổ sung nghiệp vụ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard (được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 77/UB-CK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/6/2008).

Với vốn điều lệ 300.000.000.000 đồng, MSI được thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ theo quy định:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán; và
- Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân.

2008

Tiền thân là Công ty CP Chứng khoán Standard ("SSJ"), SSJ thành lập giữa 2008 với Giấy phép hoạt động kinh doanh số 77/UBCK – GPHĐKD của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày ngày 11/06/2008.

Với số vốn ban đầu là 35 tỷ đồng, SSJ là công ty chứng khoán duy nhất đặt trụ sở tại TP. Vũng Tàu, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới chứng khoán.

2010

SSJ chính thức tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

UBCKNN chấp thuận bổ sung thêm nghiệp vụ Tự Doanh, Tư Vấn Tài Chính và Bảo Lãnh Phát Hành cho SSJ.

2011

SSJ chính thức ký hợp tác chiến lược toàn diện với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ("MSB").

Tháng 03/2011, SSJ đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank ("MSBS") và chuyển trụ sở chính từ Thành phố Vũng Tàu ra Hà Nội.

2012

Trở thành đối tác của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước ("SCIC") và Công ty Mua Bán Nợ ("DATC") trong việc tư vấn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.

Tháng 05/2012, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT mới: Ông Lê Đình Ngọc, một chuyên gia tài chính với trên 16 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán và tài chính ngân hàng.

Tháng 12/2012, tách bạch và khai trương Sở Giao dịch MSI kang trang, hiện đại, thuận tiện cho nhà đầu tư tại Tầng 1, Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Tháng 01/2013, bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới: Ông Mạc Quang Huy, một chuyên gia tài chính với trên 18 năm kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam.

Tháng 03/2013, triển khai chương trình bán chéo với Ngân hàng MSB, thông qua các khách hàng của MSB có thể đến các Trung Tâm Khách hàng Cá nhân của MSB để được tư vấn và mở tài khoản giao dịch chứng khoán với MSI.

Tháng 04/2013, triển khai thành công phần mềm Core mới do một nhà

2013

cung cấp uy tín được kiểm nghiệm tại thị trường Việt Nam, ra mắt hệ thống giao dịch hiện đại kèm theo các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ chứng khoán hàng đầu.

Tháng 05/2013, kết nối thành công Core của MSI với Ngân hàng MSB, theo đó việc chuyển tiền hai chiều giữa tài khoản chứng khoán MSI và tài khoản ngân hàng MSB được thực hiện theo thời gian thực (real time).

Tháng 06/2013, triển khai thành công bảng giá trực tuyến MS-Quote dựa trên nền công nghệ đẩy dữ liệu hiện đại nhất.

Tháng 07/2013, khai trương Chi nhánh TP Hồ Chí Minh tại địa chỉ Tầng 2, Tòa nhà TNR Tower, 182-190 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tháng 10/2013, hoàn thiện Giai đoạn II của hệ thống phần mềm Core Trading, theo đó cung cấp thêm nhiều tiện ích trực tuyến hoàn chỉnh cho các Khách hàng như giao dịch trực tuyến qua di động (MS-Mobile), mở tài khoản trực tuyến (MS-Open), giao dịch trực tuyến tại nhà với phần mềm siêu tốc (MS-ProTrading).

Tháng 01/2014, hoàn thành việc tách bạch hoàn toàn tài khoản nhà đầu tư thông qua việc kết nối với Ngân hàng BIDV, đáp ứng yêu cầu của UBCK cũng như tạo niềm tin đối với Khách hàng có nhu cầu.

Tháng 04/2014, khai trương Trung tâm Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IBD) tại TP HCM nhằm cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính có chất lượng cao cho các Khách hàng doanh nghiệp và tạo hàng trên thị trường sơ cấp.

2014

Tháng 05/2014, khai trương Chi nhánh Hà Nội địa chỉ Tầng 9, Tòa nhà TNR Tower, 115 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội nhằm tạo điều kiện cho các Khách hàng tại các quận trung tâm Thủ đô.

Tháng 08/2014, khai trương Trung tâm Khách hàng Tổ chức (ICC) tại Chi nhánh TP HCM nhằm phục vụ các Khách hàng định chế tài chính, các quỹ đầu tư và các cá nhân nước ngoài.

Tháng 10/2014, hoàn thành việc kết nối chuyển tiền 2 chiều theo thời gian thực "real time" và 24/7 với 2 ngân hàng lớn BIDV và Vietcombank nhằm tạo điều kiện thuận lợi giao dịch tiền cho các Khách hàng.

Tháng 11/2014, hoàn thành việc tách bạch số dư tài khoản tiền giữa MSI và MSB, theo đó Khách hàng quản lý tài khoản tiền tại Ngân hàng MSB nhưng vẫn dùng được các sản phẩm đòn bẩy tài chính. Đây là một sản phẩm sáng tạo, độc đáo trên thị trường đáp ứng đồng thời nhu cầu tách bạch tài khoản và nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính.

Năm 2014, đánh dấu sự phát triển vượt bậc về quy mô kinh doanh mảng Dịch vụ chứng khoán. Cụ thể số lượng tài khoản chạm ngưỡng 30.000. Thị phần chạm đạt 2,5%, đứng vị trí 15 tính theo giá trị trên cả hai Sở Giao dịch chứng khoán HSX và HNX. Năm 2014, MSI được HSX vinh danh là Công ty chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất 2014.

Năm 2014, đánh dấu sự phát triển vượt bậc về thành tích Tư vấn Dịch vụ IB. Cụ thể, MSI huy động thông qua tư vấn, dựng sổ, bảo lãnh phát hành cho trên 12 ngàn tỷ đồng vốn trái phiếu cho các doanh nghiệp.

2015

Chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần chứng khoán Maritime "MSI" theo quyết định điều chỉnh số 35/GPDC-UBCK vào ngày 7 tháng 8 năm 2015.

Lần đầu tiên lọt vào Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại HNX từ Quý 3/2015, Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại sàn Upcom và Top 10 thị phần môi giới trái phiếu tại HSX.

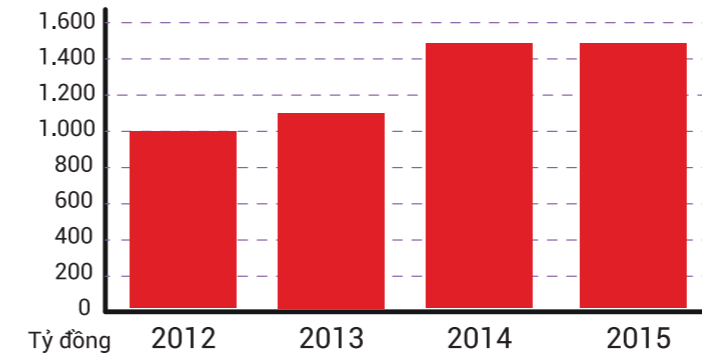
Diễn đàn M&A 2015 vinh danh MSI với giải thưởng "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu 2014 – 2015" vào tháng 8/2015.

MSI tiếp tục được HSX vinh danh là Công ty chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất 2015. Số lượng khách hàng đạt trên 51.000 tài khoản.

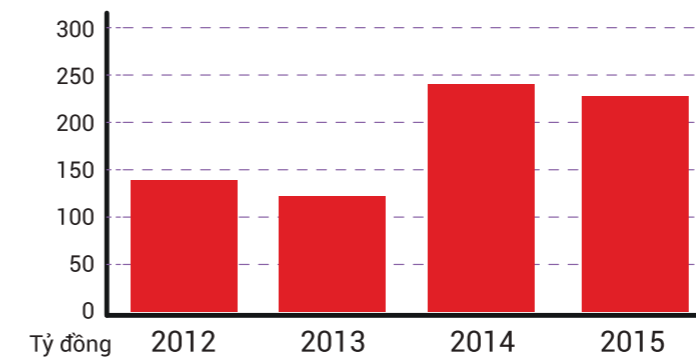
Vốn chủ sở hữu của MSI đã tăng lên 465 tỷ đồng trên vốn điều lệ 300 tỷ đồng nhờ lợi nhuận giữ lại qua các năm. Công ty đang trong quá trình tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và niêm yết.

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

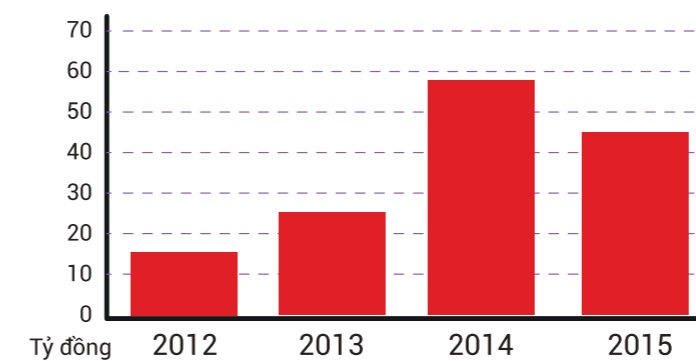
## TỔNG TÀI SẢN



## DOANH THU THUẦN



## LỢI NHUẬN SAU THUẾ



# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## KHẢ NĂNG SINH LỜI, KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Cơ cấu tài sản	%	2013	2014	2015
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản		11%	8%	1%
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản		89%	92%	99%
Cơ cấu nguồn vốn	%	2013	2014	2015
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		67%	72%	69%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		33%	28%	31%
Khả năng thanh toán	Lần	2013	2014	2015
Khả năng thanh toán nhanh		2.9	2.0	1.4
Khả năng thanh toán hiện hành		3.6	2.7	1.5
Tỷ suất lợi nhuận	%	2013	2014	2015
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)		2.3%	3.9%	3.0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)		6.9%	13.8%	9.7%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		20.5%	23.8%	19.4%

## GIÁ TRỊ SỐ SÁCH

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần chứng khoán Maritime là: 15.446 VNĐ/1 CP.

## SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU (CP), TRÁI PHIẾU (TP)

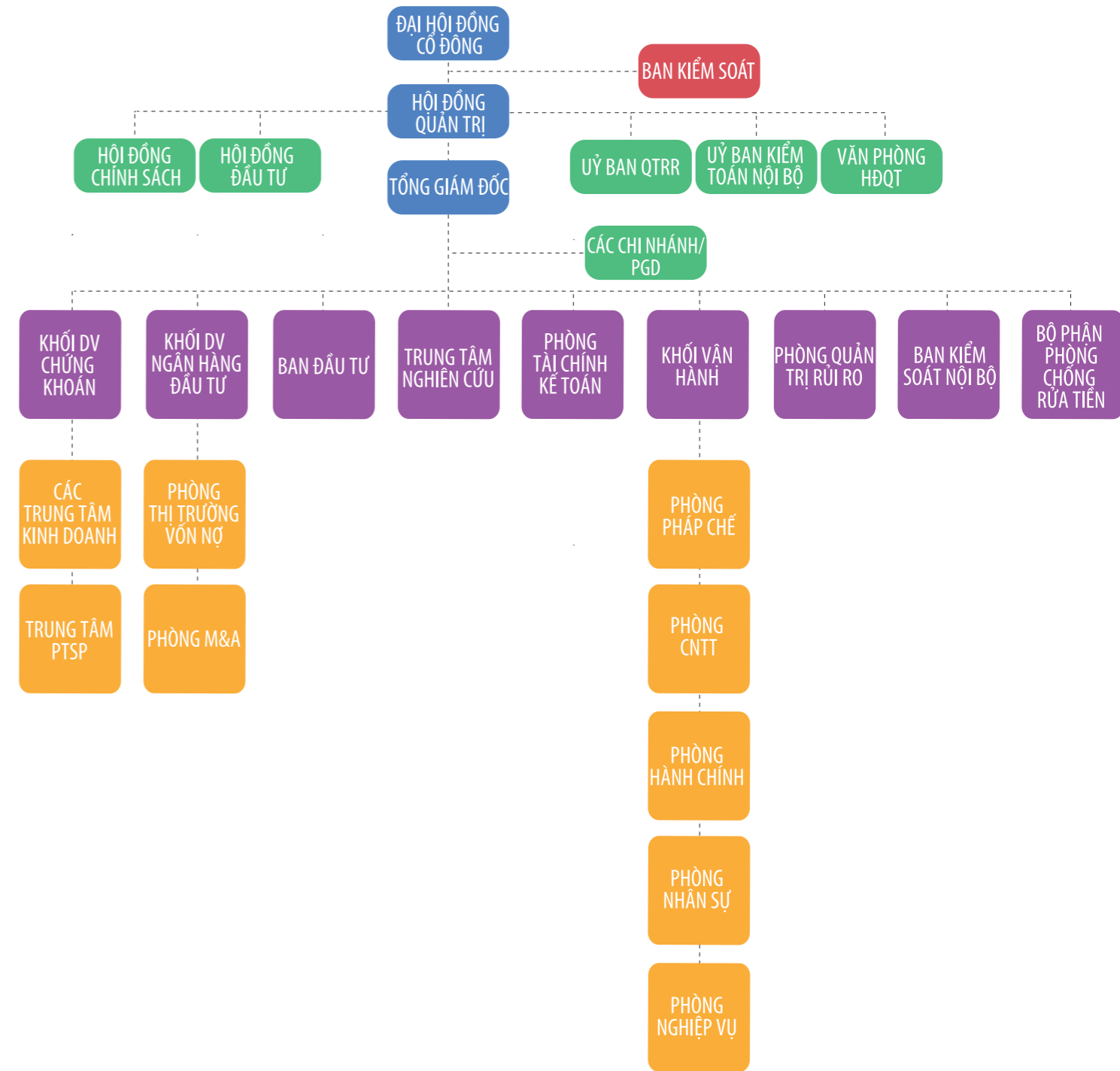
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015
1	Cổ phiếu thường (10.000VNĐ/CP)	CP	30.000.000	30.000.000	30.000.000
2	Trái phiếu phát hành (1.000.000.000 VNĐ/TP)	TP	470	470	400



# CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG VÀ TỈ LỆ SỞ HỮU

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ đông (người)
<b>A. CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU</b>			
<b>Tổng số lượng cổ phần phổ thông:</b>	<b>30.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>56</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên)</li> </ul>	23.953.600	79,85%	9
<ul style="list-style-type: none"> <li>Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phần có quyền biểu quyết</li> </ul>	6.046.400	20,15%	47
<b>Trong đó:</b>			
<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà nước</li> </ul>	0	0	0
<ul style="list-style-type: none"> <li>Nước ngoài</li> </ul>	0	0	0
<b>B. CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG</b>			
<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà nước</li> </ul>	0	0	0
<ul style="list-style-type: none"> <li>Nước ngoài</li> </ul>	0	0	0
<ul style="list-style-type: none"> <li>Cổ đông là tổ chức</li> </ul>	15.806.000	52,69%	9
<ul style="list-style-type: none"> <li>Cổ đông cá nhân</li> </ul>	14.194.000	47,31%	47





# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Miễn nhiệm
Ông Lê Đình Ngọc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2012
Ông Nguyễn Đức Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2014
Ông Thái Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2015
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2015

## ÔNG LÊ ĐÌNH NGỌC - CHỦ TỊCH HĐQT



Ông Lê Đình Ngọc hiện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của MSI. Ông Ngọc có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và chứng khoán trong đó có thâm niên hơn 11 năm xây dựng và quản lý Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS), một trong năm công ty chứng khoán được cấp phép đầu tiên tại Việt Nam với vai trò quản lý cấp cao. Đặc biệt, trong giai đoạn 2006 - 2011, với vai trò là Tổng Giám đốc, Ông Ngọc đã thành công trong việc dẫn dắt TLS trở thành một trong số ít các Công ty chứng khoán hàng đầu, có uy tín tại Việt Nam, được cộng đồng các nhà đầu tư kính nể, với nhiều năm liên tiếp giữ được vị trí số 1 về thị phần giao dịch chứng khoán niêm yết trên cả hai Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Thành phố Hồ Chí Minh (HSX).

Ông Ngọc là Chủ tịch HĐQT của Công ty chứng khoán Maritime (MSI) và Công ty quản lý quỹ Tín Phát (TPF). Ông cũng đồng thời là thành viên HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Ông Ngọc đã là Chủ tịch HĐQT của Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông (MDB) trong giai đoạn sát nhập vào Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB). Ông Ngọc là Thạc sỹ Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân và được UBCKNN cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

## ÔNG NGUYỄN ĐỨC HOÀN - THÀNH VIÊN HĐQT



Ông Nguyễn Đức Hoàn là một chuyên gia tài chính với gần 20 năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính. Được đào tạo bài bản tại nước ngoài, ông Hoàn đã có 8 năm làm việc tại Ngân hàng Barclays tại Luân Đôn và 4 năm công tác tại Ngân hàng Định chế thuộc Ngân hàng MSB.

Trước khi gia nhập MSI ông Hoàn là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần quỹ Tín Phát, quản lý một số lượng lớn tài khoản khách hàng tổ chức của MSB và các tổ chức tài chính khác. TPF là cổ đông lớn của MSI và hợp tác cùng MSI hoàn thành một số hợp đồng dịch vụ ngân hàng đầu tư có giá trị và uy tín trên thị trường.

Tháng 2 năm 2016 ông tiếp tục đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc của MSI.

## ÔNG THÁI ANH TUẤN - THÀNH VIÊN HĐQT



Ông Thái Anh Tuấn tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và đã có 8 năm gắn bó với Tập đoàn đầu tư phát triển Việt Nam. Với vai trò là Trưởng phòng Thanh quyết toán - TNI, ông Tuấn đã có những đóng góp nhất định trong các hoạt động vì sự phát triển của Tập đoàn.

Hiện tại, ông Tuấn đang giữ cương vị Giám đốc CTCP phát triển Hà Tây, là Doanh nghiệp trực thuộc Tập đoàn đầu tư phát triển Việt Nam và chính thức được bổ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán Maritime kể từ ngày 30/6/2015.

## CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

### 1. Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán và Kiểm toán Nội bộ được thành lập từ tháng 11/2013, là một đơn vị trực thuộc Hội đồng Quản trị, độc lập hoàn toàn với Ban điều hành theo các thông lệ tiên tiến về quản trị doanh nghiệp (corporate governance). Ủy ban Kiểm toán có nhiệm vụ đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ trong hoạt động của Công ty thông qua các hoạt động kiểm toán nội bộ.

Ủy ban Kiểm toán có nhiệm vụ thành lập các đoàn Kiểm toán Nội bộ để tiến hành kiểm toán nội bộ các hoạt động của Công ty một cách định kỳ hoặc theo chuyên đề. Báo cáo kiểm toán được báo cáo trực tiếp lên HĐQT.

### 2. Ủy ban Quản trị Rủi ro

Ủy ban Quản trị Rủi ro được thành lập vào tháng 11/2013, là một đơn vị trực thuộc Hội đồng Quản trị, độc lập hoàn toàn với Ban điều hành theo các thông lệ tiên tiến về quản trị doanh nghiệp (corporate governance). Ủy ban Quản trị Rủi ro là một bộ phận chuyên trách thuộc HĐQT nhằm giúp HĐQT thực hiện vai trò quản trị rủi ro của Công ty, bao gồm việc xây dựng, tư vấn các chính sách, chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty; đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty.

### 3. Hội đồng Chính sách Dịch vụ Chứng khoán

Hội đồng Chính sách Dịch vụ Chứng khoán được thành lập từ tháng 12/2012, nhằm góp phần tăng cường chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ chứng khoán của MSI, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường và quản trị rủi ro có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ. Hội đồng Chính sách có chức năng phê duyệt điều chỉnh chính sách sản phẩm, chính sách dịch vụ khách hàng một cách linh hoạt và hiệu quả, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng song vẫn đảm bảo việc quản trị rủi ro.

Hội đồng Chính sách DVCK được thành lập gồm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản trị Rủi ro, Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

### 4. Hội đồng Đầu tư

Hội đồng Đầu tư được thành lập từ tháng 12/2012, là bộ phận chuyên trách của Hội đồng Quản trị, thực hiện thiết lập, hoạch định chính sách đầu tư và định hướng phát triển hoạt động đầu tư của MSI một cách bài bản, chuyên nghiệp, phát huy hiệu quả sức mạnh của tập thể.

Hội đồng Đầu tư nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động liên quan đến đầu tư tài chính được tiến hành phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ khác của MSI; kiểm soát chặt chẽ, nâng cao khả năng sinh lời, hiệu quả đầu tư, đảm bảo hoạt động đầu tư có tính ổn định, an toàn cao.

Hội đồng Đầu tư được thành lập gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, một thành viên HĐQT và một đại diện Trung tâm Nghiên cứu.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2015, các hoạt động của HĐQT đã bám sát các nội dung trong Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ) thường niên. HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt và thận trọng nhằm hoàn thành tốt nhất kế hoạch kinh doanh.

Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ rõ ràng, tất cả các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT thường kỳ, đột xuất để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, các cuộc họp đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT. Các nội dung họp được các thành viên thảo luận và thống nhất cao trên cơ sở công khai biểu quyết. Các quyết định kịp thời của HĐQT đã thúc đẩy hoạt động kinh doanh của MSI ngày càng phát triển vững chắc.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Lê Đình Ngọc	Chủ tịch HĐQT	16	100%	
2	Nguyễn Đức Hoàn	Thành viên HĐQT	16	100%	
3	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT	6		Miễn nhiệm ngày 30/06/2015
4	Thái Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	10		Bổ nhiệm ngày 30/06/2015

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT luôn thực hiện việc giám sát các hoạt động kinh doanh đồng thời trực tiếp đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh.

Công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc tập trung vào một số nội dung chính như sau:

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 tại Hà Nội nhằm thông qua các nội dung chính như kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tăng vốn, phân phối lợi nhuận...;
- Nghiên cứu các đề xuất về sản phẩm và quy trình quản trị rủi ro sản phẩm mới;
- Tham gia các hoạt động tập thể gắn kết các thành viên gia đình MSI nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Công ty tại Quan Lạn;
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2015;
- Tổ chức phản biện kế hoạch kinh doanh 2016.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2015, MSI bước đầu thực hiện tốt định hướng dài hạn của công ty. Cụ thể:

- Hoạt động kinh doanh của công ty đã đạt được những giải thưởng và con số đáng khích lệ như:

MSI vinh dự hai năm liên tiếp 2014, 2015 nhận giải thưởng “Công ty chứng khoán có tăng trưởng số lượng tài khoản tốt nhất” từ Sở Giao Dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX);

Diễn đàn M&A Việt Nam vinh danh “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu năm 2014-2015”;  
MSI tự hào nằm trong:

- Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX);
- Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại UpCom;
- Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX).

- Cả hai mảng hoạt động kinh doanh chính là Dịch vụ chứng khoán và Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đồng thời phát triển;
- Đội ngũ nhân sự gọn nhẹ, tinh nhuệ đảm bảo hiệu quả và chất lượng công việc;
- Hệ thống quản trị rủi ro được giám sát và tuân thủ chặt chẽ;
- Xây dựng văn hóa MSI ngày càng rõ nét và sâu sắc;
- Chú trọng vào các hoạt động cộng đồng nhằm phát triển nguồn nhân lực cho đất nước cũng như tham gia các chương trình từ thiện đóng góp cho cộng đồng.

## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

HĐQT MSI năm 2016 sẽ tập trung vào các công việc sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn vốn;
- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch phát triển trung và dài hạn, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý, chú trọng công tác quản trị rủi ro;
- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ khác của Công ty.

## TỈ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ
1	Ông Lê Đình Ngọc	Chủ tịch HĐQT	4.43%
2	Ông Nguyễn Đức Hoàn	Thành viên HĐQT	0.00%
3	Ông Thái Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	0.00%

## CƠ CẤU TỔ CHỨC BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
1	Bà Hà Thị Bích Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2014
2	Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 04 năm 2014
3	Bà Bùi Thị Bích Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2015
4	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2015

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nhân sự Ban Kiểm soát MSI là các thành viên độc lập, không phải là người lao động của MSI. Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông;
- Thẩm tra báo cáo tài chính của công ty hàng quý, 6 tháng và năm 2015. Giám sát tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo Thông tư 226/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2010;
- Ban Kiểm soát tham gia cùng với HĐQT, Ban Điều hành trong việc kiểm tra tính hợp lệ đối với các quy trình, quy chế mới được ban hành;
- Năm 2015, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của MSI.

## TỈ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ
1	Hà Thị Bích Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	8.89%
2	Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	0.40%
3	Bùi Thị Bích Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát	2.57%



### ÔNG MẠC QUANG HUY, MBA, ACCA – TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Mạc Quang Huy gia nhập MSI với cương vị là Tổng Giám đốc từ tháng 9 năm 2012. Ông Huy là một chuyên gia tài chính với gần 20 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính và ngân hàng đầu tư. Ông có 09 năm kinh nghiệm làm việc tại KPMG Việt Nam và Anh Quốc (1996-2005) với tư cách là Giám đốc Kiểm toán các ngân hàng và Giám đốc Cao cấp phụ trách mảng Tư vấn tài chính của KPMG Việt Nam. Từ 2005 tới 2010, Ông Huy đảm nhiệm nhiều vị trí cao cấp tại các ngân hàng đầu tư lớn trên thế giới như Lehman Brothers, Nomura tại Nhật Bản và Australia. Giai đoạn từ 2010-2012, Ông là Phó Tổng Giám đốc trực tiếp tham gia điều hành mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và sau đó phụ trách mảng Dịch vụ Chứng khoán của Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS), một trong những công ty chứng khoán lớn nhất tại Việt Nam. Từ khi gia nhập MSI, ông Huy đã tái cấu trúc thành công và tăng quy mô kinh doanh của MSI lên nhiều lần trở thành công ty chứng khoán có uy tín và hoạt động hiệu quả, cùng với những giải thưởng danh tiếng được ghi nhận. Ông cũng trực tiếp tham gia và lãnh đạo một số thương vụ M&A thành công cho các khách hàng của MSI.

Ông Huy là thạc sỹ MBA tại trường Herriot Watt, UK (2006), hội viên của Hiệp hội Chứng khoán và Đầu tư Công chứng Anh Quốc (MCSI). Ông Huy hiện là hội viên Hội Kế toán viên Công chứng Anh Quốc (ACCA) kiêm Chủ tịch Ủy ban Hội viên ACCA tại Việt Nam (nhiệm kỳ 2016-2017). Ông Huy là Tác giả cuốn sách tài chính "Cẩm nang Ngân hàng Đầu tư" và nhiều bài



### ÔNG NGUYỄN ĐỨC HOÀN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Ông Nguyễn Đức Hoàn là một chuyên gia tài chính với gần 20 năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính. Được đào tạo bài bản tại nước ngoài, ông Hoàn đã có 8 năm làm việc tại Ngân hàng Barclays tại Luân Đôn và 4 năm công tác tại Ngân hàng Định chế thuộc Ngân hàng MSB.

Trước khi gia nhập MSI ông Hoàn là Tổng Giám đốc Công ty cổ phần quỹ Tín Phát, quản lý một số lượng lớn tài khoản Khách hàng tổ chức của MSB và các tổ chức tài chính khác. TPF đã hợp tác cùng MSI hoàn thành một số hợp đồng dịch vụ ngân hàng đầu tư có giá trị và uy tín trên thị trường.



### ÔNG CHU TUẤN AN - PHÓ GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ PHÍA BẮC

Ông Chu Tuấn An có trên 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư. Trước khi gia nhập MSI, ông An đã làm việc tại Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) và tham gia rất nhiều thương vụ tư vấn tài chính lớn. Ông An tốt nghiệp Thạc sỹ chương trình CFVG chuyên ngành Tài chính Ngân hàng năm 2010.

# NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



## **ÔNG ĐÀO MINH TRUNG, GIÁM ĐỐC KINH DOANH**

Ông Đào Minh Trung gia nhập MSI từ tháng 03/2016 với vị trí Giám đốc phát triển kinh doanh Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư. Trước đó, ông Trung đã có 04 năm kinh nghiệm làm Trưởng phòng kinh doanh khu vực của Bảo hiểm Nhân thọ Prudential, hơn 02 năm làm Giám đốc khối Tư vấn của Công ty Chứng khoán SME và Tư vấn tài chính doanh nghiệp tại Công ty Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia.

Ông Trung tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Economic Science & Administration, đại học Aix- Marseille II, Pháp năm 2005 và đã hoàn thành chương trình thạc sỹ chuyên ngành Business Administration, Đại học Columbia Southern, Mỹ năm 2007 và được UBCKNN cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.



## **BÀ LÊ THỊ QUYÊN, GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN**

Bà Lê Thị Quyên là một chuyên gia tài chính với hơn 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý ngành dịch vụ tài chính. Bà Quyên tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2005, chuyên ngành Kế toán. Trước khi gia nhập MSI, bà Quyên đã có nhiều năm kinh nghiệm trong mảng hoạt động kinh bảo hiểm nhân thọ tại Công ty Prudential Việt Nam. Ngoài ra, Bà có 05 năm công tác tại Công ty cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam (IVS) với vai trò Giám đốc Khối Kinh doanh. Từ tháng 05/2014, Bà Quyên được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Kinh doanh phụ trách Chi nhánh Hà Nội. Từ tháng 08/2015, Bà Quyên chính thức được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối DVCK của MSI.



## **ÔNG NGUYỄN PHẠM QUỲNH, GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH**

Ông Nguyễn Phạm Quỳnh là một chuyên gia tài chính với hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Dịch vụ Chứng khoán. Tốt nghiệp khoa Kinh tế đối ngoại trường đại học Ngoại Thương và nhận bằng Diploma trường ESTIH chuyên ngành Tin học quản lý, Ông Quỳnh từng tham dự nhiều khóa học về quản lý và kỹ năng lãnh đạo tại Thụy Điển và Italy. Trước khi gia nhập MSI từ 2011, Ông đã có 07 năm kinh nghiệm tại các công ty chứng khoán hàng đầu như Chứng khoán APEC, Chứng khoán FPT và Chứng khoán Sacombank (SBS). Từ tháng 06/2013, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở Giao dịch MSI.



## **ÔNG VŨ TUẤN VIỆT, GIÁM ĐỐC KINH DOANH CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Ông Vũ Tuấn Việt là một chuyên gia tài chính với trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Dịch vụ Chứng khoán. Ông Việt tốt nghiệp Khoa Tài Chính Ngân Hàng, trường đại học Phương Đông, Hà Nội. Trước khi gia nhập MSI, Ông Việt từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Môi giới, Trưởng phòng Môi giới tại nhiều Công ty Chứng khoán như: Công ty CP Chứng khoán VSM, Công ty CP Chứng khoán phố Wall, Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia (NSI). Từ tháng 12/2015, ông Việt được bổ nhiệm làm Giám đốc Kinh doanh Chi nhánh Hà Nội của MSI.



## **ÔNG NGUYỄN HẢI VÂN CHUNG, GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TPHCM**

Ông Nguyễn Hải Vân Chung gia nhập MSI từ tháng 7/2013 với cương vị là Giám đốc chi nhánh TP HCM. Ông là một chuyên gia tài chính với trên 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Ông Chung có 7 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán tài chính tại các công ty đa quốc gia như Unilever Vietnam, Mitsubishi, Petronas Carigali Vietnam. Gia nhập thị trường chứng khoán từ năm 2006 tại Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS), Ông Chung đã kinh qua nhiều vị trí công tác tại hầu hết các mảng công việc từ Khối IB, Phân tích đến Dịch vụ chứng khoán. Ông Chung là một trong những người quan trọng đóng góp đưa thị phần môi giới của chi nhánh TP HCM của TLS đạt những thành tích vượt bậc.

Ông Chung tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Doanh Nghiệp tại ĐH Kinh tế TP HCM và nhận bằng MBA tại ĐH Kinh tế TP HCM. Ông cũng trải qua nhiều khóa tu nghiệp và đào tạo ngắn hạn tại nước ngoài. Ông cũng nhận Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCK Việt Nam cấp.



## **BÀ NGÔ THANH TÂM, GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PTSP VÀ QUẢN LÝ KHÁCH HÀNG BÁN LẺ**

Bà Ngô Thanh Tâm là một chuyên gia tài chính với hơn 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Dịch vụ chứng khoán. Bà Tâm tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành thị trường chứng khoán năm 2007. Trước khi gia nhập MSI bà Tâm đã có 05 năm kinh nghiệm tại rất nhiều mảng hoạt động khác nhau tại Công ty CP chứng khoán Habubank. Từ tháng 01/2013, bà Tâm gia nhập MSI với vai trò Giám đốc nghiệp vụ Triển khai dự án Core chứng khoán. Tháng 11/2013 bà Tâm được bổ nhiệm làm Giám đốc Trung tâm Phát triển sản phẩm. Tháng 07/2014 Bà được bổ nhiệm làm Giám đốc Trung tâm Phát triển sản phẩm và Quản lý Khối bán lẻ.



## **ÔNG PHAN NGUYỄN HOÀN QUÂN, GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC (ICC)**

Ông Phan Nguyễn Hoàn Quân gia nhập MSI từ tháng 10/2014 với tư cách Trưởng phòng Khách hàng tổ chức, Chi nhánh TP.HCM. Ông Quân có gần 10 năm kinh nghiệm làm việc trong mảng Khách hàng tổ chức với các Khách hàng định chế tài chính lớn như Citigroup, Deutsche Bank, ABN Amro, JP Morgan, Temasek, Jardines...



## **ÔNG VÕ VĂN CƯỜNG, GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU**

Ông Võ Văn Cường tham gia MSI vào tháng 5/2015 với vị trí Trưởng phòng Nghiên cứu - chi nhánh TP.HCM. Ông Cường có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Nghiên cứu Đầu tư chứng khoán. Trước khi tham gia cùng MSI, Ông Cường đã từng đảm nhận vị trí Phó phòng Tư vấn và Phân tích tại Công ty CP Chứng khoán HSC, Trưởng bộ phận Nghiên cứu Đầu tư tại Công ty CP Chứng khoán Nam An, và Phó phòng Tư vấn tại Công ty Quản lý quỹ Việt Nam. Ông Cường được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu từ tháng 1/2016.

Ông Cường tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán, ĐH kinh tế, đã hoàn thành thành chương trình MBA của CFVG, được UBCKNN cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ và đã hoàn tất CFA cấp độ 1.

# TỔNG KẾT KINH TẾ VĨ MÔ & TTCK NĂM 2015 VÀ DỰ BÁO NĂM 2016



## **ÔNG LÊ ĐỨC KHÁNH, TIẾN SĨ, GIÁM ĐỐC CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ**

Ông Lê Đức Khánh hiện là Kinh tế trưởng kiêm Giám đốc Chiến lược Đầu tư, Trung tâm Nghiên cứu của MSI từ 2011. Ông đã từng là giảng viên tài chính khóa đào tạo sau đại học trường Đại Học Paris 1 Panthéon-Sorbonne. Trước đó, Ông Khánh là chuyên gia tư vấn tại công ty tư vấn TERA CONSULTANTS (Paris - Pháp). Tại Việt Nam, ông Khánh có kinh nghiệm làm việc tại vị trí trưởng phòng tư vấn chiến lược tại CTCP Viễn thông FPT Telecom và 02 năm kinh nghiệm là chuyên viên phân tích tài chính cao cấp, tư vấn đầu tư và phụ trách sản phẩm giao dịch vàng tại CTCP Chứng khoán Thăng Long (TLS) nay là CTCP Chứng khoán MB (MBS).

Ông Khánh là Tiến sĩ khoa học kinh tế tại Đại học Paris 2 – Panthéon – Assas (Pháp). Với uy tín được đã khẳng định trong cộng đồng nhà đầu tư, Ông Khánh thường xuyên tham gia nhận định thị trường trong mục Bản tin chứng khoán của InfoTV và VTV1, cũng như viết bài cho chuyên mục Chứng khoán của các báo (CafeF, Vietstock, VnExpress, Lao Động, Đầu tư chứng khoán, v.v...) với những bình luận sắc sảo, được độc giả đánh giá cao.

## **BÀ TRẦN THỊ KIM THU, GIÁM ĐỐC NGHIỆP VỤ**

Bà Trần Thị Kim Thu gia nhập MSI từ năm 2011, hiện tại bà đảm nhiệm vai trò Giám đốc Nghiệp vụ toàn quốc. Bà Thu là một chuyên gia tài chính có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và dịch vụ chứng khoán. Bà Thu tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế trường Đại học Kinh tế quốc dân và nhận chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính do UBCKNN cấp. Trước khi gia nhập MSI bà đã có 05 năm kinh nghiệm tại công ty chứng khoán Sài Gòn (SSI) và một số tổ chức tài chính khác. Từ tháng 06/2013, bà Thu được bổ nhiệm làm Giám đốc Nghiệp vụ MSI.



## **BÀ NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG, GIÁM ĐỐC QUẢN TRỊ RỦI RO**

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương gia nhập Công ty CP Chứng khoán Maritime ("MSI") từ 2013 với tư cách là Giám đốc Quản trị Rủi ro. Trước đó, Bà Hương có trên 7 năm kinh nghiệm trong thị trường chứng khoán, đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại nhiều CTCK khác nhau như Công ty cổ phần chứng khoán BIDV (BSC), Công ty chứng khoán Tràng An (TAS) và Công ty chứng khoán ECC.

Bà Hương tốt nghiệp khoa Tài Chính Kế Toán tại Đại học Kinh doanh và Công nghệ năm 2005 và hoàn thành các chứng chỉ của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.



## **ÔNG NGUYỄN QUANG CHUNG, GIÁM ĐỐC CNTT VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG**

Ông Nguyễn Quang Chung gia nhập Công ty CP Chứng khoán Maritime (MSI) từ tháng 05/2013 với tư cách Giám đốc Công nghệ thông tin và Cơ sở Hạ tầng. Trước đó, Ông Chung đảm nhiệm vị trí Giám đốc CNTT tại các Công ty chứng khoán như Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (2007-2010), Giám đốc dự án Công nghệ thông tin của Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS) (2010-2013), nơi Ông phụ trách việc xây dựng thay thế hệ thống Core mới của Công ty. Ông Chung đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT và phụ trách nhiều dự án triển khai tại các định chế tài chính lớn như Ngân hàng Hàng Hải (MSB), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), đặc biệt là các dự án liên quan tới ERP và Giao dịch chứng khoán.



## **KINH TẾ VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2015**

Kinh tế Việt Nam năm 2015 tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất trên thế giới (> 6%) với các yếu tố nội tại ổn định và đang trong chu kỳ tăng trưởng bền vững. Tăng trưởng GDP năm 2015 đạt 6,7%, cao nhất trong 5 năm qua, bình quân 5 năm đạt 5,9%/năm. Quy mô của nền kinh tế tiếp tục tăng; GDP năm 2015 đạt khoảng 200 tỷ USD, bình quân đầu người khoảng 2.180 USD. Lạm phát ở mức xấp xỉ 2%. Đây là những chỉ tiêu thể hiện sự phục hồi của nền kinh tế năm qua.

Sự phục hồi tăng trưởng của nền kinh tế hiển nhiên có tác động tích cực đến thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, ở một số thời điểm nhất định, thị trường chứng khoán lại bị ảnh hưởng bởi những sự kiện trong và ngoài nước như sự sụt giảm mạnh của thị trường chứng khoán Trung Quốc, phá giá đồng nhân dân tệ, giá dầu tụt dốc hay sự kiện kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)... Ngoài ra, những điều chỉnh chính sách của Nhà nước như Thông tư 36 tác động đến dòng vốn đầu tư ngắn hạn, Nghị định 60 nới room cho nhà đầu tư nước ngoài lên 100% đối với doanh nghiệp không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Thông tư 180 hướng dẫn về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết... cũng ảnh hưởng mạnh đến thị trường chứng khoán trong năm vừa qua. Kết quả là chỉ số VN-Index tại phiên giao dịch kết thúc năm đạt mức 579 điểm, tăng 33 điểm (+6,1%) so với phiên đóng cửa cuối năm 2014. Chỉ số HNX-Index lại giảm xuống mức 80 điểm, giảm 3 điểm (-3,6%) so với thời điểm đóng cửa cuối năm 2014. Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường trong năm 2015 đạt gần 39,7 tỷ cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch đạt hơn 617 nghìn tỷ đồng, giảm 16,3% về khối lượng và 15,8% về giá trị giao dịch của năm 2014. Trong khi đó, vốn hóa thị trường đạt hơn 1.298 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8% so với thời điểm cuối năm 2014.

## **DỰ BÁO KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2016**

Theo dự báo của các chuyên gia kinh tế, GDP năm 2016 tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng cao từ mức 6,6% - 7% do những cơ hội mới mang lại như thúc đẩy xuất khẩu, cải cách cơ cấu của các doanh nghiệp trong nước, tăng cường quản trị, tăng trưởng tín dụng kích thích sản xuất và chi tiêu.

Lãi suất được dự báo sẽ tăng nhẹ trong năm 2016 do nhu cầu về vốn tăng cao, áp lực tăng tỷ giá USD/VND, khả năng mặt bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ sẽ được nâng lên để đảm bảo mục tiêu huy động vốn cho ngân sách nhà nước, NIM của các ngân hàng đã giảm về mức thấp, trích lập dự phòng rủi ro cao, sự hồi phục của các kênh đầu tư khác như bất động sản, chứng khoán cũng góp phần tạo sức ép lên việc tăng lãi suất.

Lạm phát sau khi ghi nhận tăng thấp nhất trong vòng 13 năm qua mức chạm đáy 0,6% năm 2015, do tác động chính từ giá dầu và các hàng hóa giảm mạnh kéo theo chi phí đầu vào sụt giảm. Dự báo lạm phát năm 2016 sẽ ở mức phù hợp quanh mức 4% do yếu tố chi phí đầu vào vẫn ở mức thấp.

# TỔNG KẾT KINH TẾ VĨ MÔ & TTCK NĂM 2015 VÀ DỰ BÁO NĂM 2016

Ngoài ra, Việt Nam dự báo tiếp tục là nơi hấp dẫn được dòng vốn đầu tư gián tiếp đổ vào, do có những ưu điểm về vị trí địa lý, ổn định chính trị, chi phí nhân công rẻ, cùng với việc gia nhập các hiệp định thương mại song phương FTAs, đa phương TPP, và cộng đồng kinh tế chung các nước ASEAN (AEC) sẽ tiếp tục gia tăng đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam. Ước tính dòng vốn FDI sẽ đạt khoảng 16 tỷ USD trong năm 2016.

## TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2016

**Dòng tiền:** Tiếp tục tác động mạnh bởi dòng vốn ngoại, tuy nhiên kỳ vọng dòng tiền năm 2016 từ khối ngoại sẽ tích cực hơn năm 2015, theo đó kết hợp và cộng hưởng tác động tích cực với dòng vốn nội trong nước.

Theo thống kê, dù đầu năm 2016 dòng tiền nước ngoài đang bán ròng trên thị trường chứng khoán, tuy nhiên mức độ không đáng kể và chủ yếu tập trung vào một vài mã mã cổ phiếu đơn lẻ. Dòng tiền từ khối các nhà đầu tư này có thể sớm quay trở lại với thị trường và mức độ lớn hơn khi. (1) Định giá thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn khá hấp dẫn so với các nước. (2) Tăng trưởng kinh tế thuộc nhóm cao nhất trên thế giới và duy trì mức tăng trưởng trong nhiều năm. (3) Các yếu tố kinh tế vĩ mô ổn định. (4) Sự chuyển giao lãnh đạo trong nhiệm kỳ mới 2016-2020 cũng sẽ tạo những nội lực mới và động lực mới cho sự tăng trưởng kinh tế. (4) Các doanh nghiệp lớn tiếp tục IPO và niêm yết trên thị trường thu hút thêm nhiều nhà đầu tư mới. (5) Cơ chế điều hành tỷ giá mới, điều chỉnh biến động chủ động hơn và giảm những rủi ro biến động mạnh như những năm qua tạo sự yên tâm hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, dự báo dòng vốn nước ngoài tiếp tục chảy vào thị trường chứng khoán Việt nam như là một địa điểm đầu tư hấp dẫn, vào các công ty IPO, các doanh nghiệp Nhà nước thoái vốn.

Lãi suất vay thấp dự báo năm 2016 ở mức khoảng 8%/năm và chi phí lãi vay các dịch vụ chứng khoán ở mức thấp hỗ trợ dịch vụ chứng khoán và cá nhà đầu tư nội. Ngoài ra, thêm các công ty chứng khoán nước ngoài (KIS Việt Nam, Maybank KimEng, Shinhan Bank Investment) với tiềm lực tài chính mạnh sẽ tạo thêm luồng tiền cho thị trường. Tăng trưởng tín dụng dự báo ở mức cao 18-21% cũng góp phần hỗ trợ một phần dòng vốn trên TTCK.

**Định giá còn rẻ so với khu vực và tiềm năng:** Với mức PE của VN-Index ở mức 11 lần, đây là mức khá rẻ so với các nước trong khu vực, ghi nhận mức bình quân 16,8 lần, và so với chính PE của VN-Index khi thị trường tăng điểm ở mức 14-15 lần. Đây là mức khá hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư ngoại khi nội tại các công ty niêm yết được dự báo vẫn duy trì được mức tăng trưởng tốt trong năm 2016.

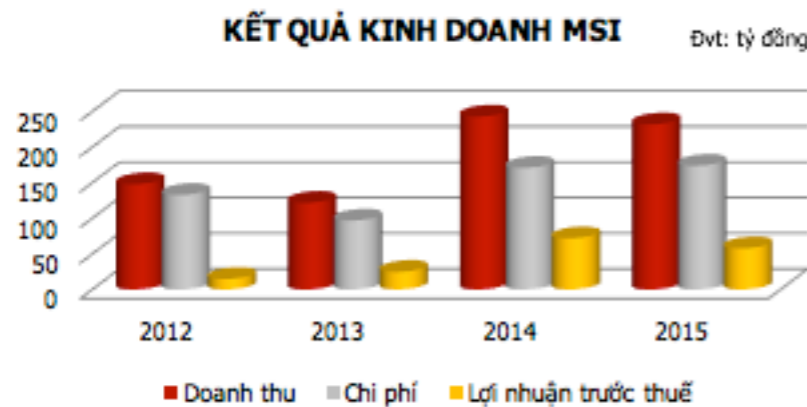
Theo thống kê nhóm 100 công ty có vốn hóa lớn nhất thị trường, cổ phiếu lớn thuộc nhóm này chỉ có mức P/E bình quân quanh mức 12 lần, đây là mức khá rẻ hiện nay so với thị trường thuộc nhóm cận biên như Việt Nam, trong khi các doanh nghiệp niêm yết tiếp tục tăng trưởng và tiềm năng tăng trưởng cao sau giai đoạn đổi mới là rất lớn.

**Triển vọng tăng trưởng các doanh nghiệp niêm yết tích cực năm 2016:** thống kê nhóm 100 công ty có mức vốn hóa lớn, chiếm 89% vốn hóa toàn thị trường cho thấy, doanh thu và lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2015 tăng trưởng lần lượt 10,2% và 18,4%, tập trung nhóm ngành sản xuất, xây dựng & bất động sản và phân phối. Theo đó, ước tính năm 2015 doanh thu và lợi nhuận của nhóm công ty này tăng trưởng lần lượt là 11% và 19%. Kỳ vọng các doanh nghiệp niêm yết tiếp tục duy trì mức tăng trưởng tích cực trong năm 2016 cho hầu hết các nhóm ngành, (trừ các cổ phiếu thuộc nhóm ngành dầu khí). Theo đó, dự báo doanh thu và lợi nhuận tăng lần lượt 12% và 19% do: (1) do giá dầu giảm, (2) tăng trưởng xuất khẩu, (3) lạm phát ở mức thấp, kích thích tiêu dùng, (4) tăng trưởng tín dụng ở mức cao, (5) kinh tế duy trì mức tăng trưởng cao và ổn định, (6) thuế thu nhập doanh nghiệp giảm còn 20% giúp doanh nghiệp tiết giảm thêm chi phí và tăng lợi nhuận.



# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015 VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN 2016

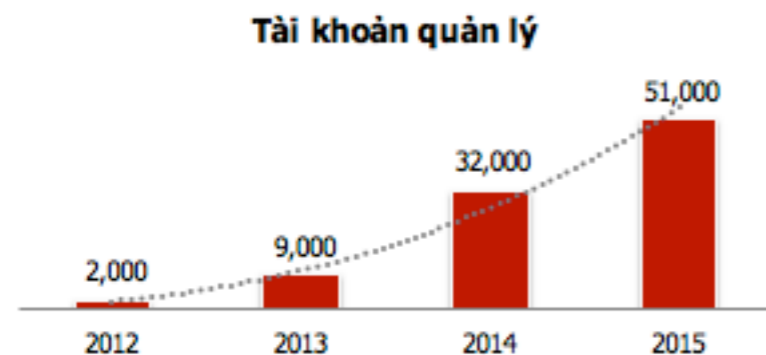
Năm 2015 là một năm nhiều thăng trầm đối với thị trường chứng khoán. Mặc dù chỉ số VN-Index tăng 33 điểm nhưng thanh khoản thị trường sụt giảm mạnh, điều này đã ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán. Cụ thể đối với MSI, tổng doanh thu đạt 231 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt trên 58 tỷ đồng.



## DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Năm 2015, tiếp tục đánh dấu những bước chuyển mình quan trọng của mảng Dịch vụ chứng khoán. Cụ thể:

- Số lượng tài khoản đạt trên 51.000 tài khoản. Với số lượng tài khoản tăng trưởng mạnh mẽ, MSI lần thứ 2 liên tiếp trong 2 năm được **HSX vinh danh là Công ty chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất**. Thành công này thể hiện uy tín và thương hiệu của MSI đối với Khách hàng và các Nhà đầu tư. Ngày càng có nhiều Khách hàng quan tâm, biết đến và sử dụng các dịch vụ có chất lượng của Công ty.



- Lần đầu tiên MSI lọt vào Top 10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ quý 3/2015. **Ngoài ra, MSI cũng đã lọt vào Top 10 Công ty**

thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ quý 3/2015. Ngoài ra, MSI cũng đã lọt vào **Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại sàn Upcom và Top 10 thị phần môi giới trái phiếu tại HSX**. Thành công này có được là từ định hướng chiến lược đúng đắn của HĐQT, Ban Điều hành và nỗ lực kinh doanh Khối Dịch vụ chứng khoán cùng toàn thể cán bộ nhân viên MSI. Chất lượng và quy mô kinh doanh dịch vụ chứng khoán tăng trưởng một cách chắc chắn, bền vững.

Mục tiêu của MSI năm 2016 là giữ vững vị trí Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại HNX, Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại UpCom và Top 10 thị phần môi giới trái phiếu tại HSX. Bên cạnh đó, MSI hướng tới mục tiêu lọt vào Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) vào năm 2017. Một số kế hoạch hành động của mảng dịch vụ chứng khoán trong năm 2016 bao gồm:

- Tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng thị phần môi giới ở tất cả các nhóm Khách hàng: Khách hàng cá nhân trong nước, Khách hàng cá nhân nước ngoài, Khách hàng tổ chức;
- Tuyển dụng và chuẩn hóa đội ngũ nhân sự đảm bảo tính chuyên nghiệp, chú trọng vào đạo đức nghề nghiệp;
- Liên tục cải tiến nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ theo hướng hiện đại, đáp ứng một cách nhanh nhất và tốt nhất nhu cầu của khách hàng;
- Tăng cường nguồn vốn kinh doanh, qua đó đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn margin cho các hoạt động giao dịch của Khách hàng; và
- Phát triển và cải tiến mạnh mẽ các sản phẩm điện tử, luôn đi đầu ứng dụng những công nghệ mới.

## DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Năm 2015, ngoài các thương vụ truyền thống như tư vấn phát hành cổ phiếu, trái phiếu, mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư của MSI đã vinh dự được Diễn đàn M&A 2015 trao giải thưởng **"Nhà tư vấn M&A tiêu biểu 2014 – 2015"**. Giải thưởng này đến từ thương vụ gây tiếng vang lớn trên thị trường M&A của MSI đó là tư vấn thành công việc hoán đổi cổ phiếu giữa Công ty cổ phần Đức Long Gia Lai (một doanh nghiệp Việt Nam) với Mass Noble (một doanh nghiệp nước ngoài). Thương vụ này không chỉ đem lại uy tín cho MSI ở trong nước và quốc tế mà nó còn thể hiện năng lực của đội ngũ nhân viên tư vấn của MSI trên thị trường.

Năm 2016, MSI sẽ tăng cường thêm nhân lực tư vấn IB, tập trung hơn nữa vào các dịch vụ đồng bộ nhằm đem lại giá trị gia tăng cao cho Khách hàng cũng như công ty. Các sản phẩm bảo lãnh phát hành, tư vấn tái cấu trúc, tư vấn M&A ... vẫn sẽ là điểm nhấn của hoạt động Ngân hàng Đầu tư trong năm tới. Hoạt động mở rộng, liên kết với Khách hàng, đối tác sẽ không ngừng được triển khai đặc biệt là các tổ chức, tập đoàn lớn có uy tín trên thị trường nhằm thúc đẩy hơn nữa mảng dịch vụ này phát triển.

## HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Hoạt động đầu tư của MSI tập trung vào danh mục các cổ phiếu niêm yết. Năm 2015, công ty chú trọng vào việc cấu trúc danh mục, thoái vốn phần lớn danh mục đầu tư dài hạn. Ban Đầu tư đã thực hiện tốt nguyên tắc đầu tư và quản trị rủi ro. Công tác đánh giá danh mục và nhận định thị trường được thực hiện hàng tuần đảm bảo sự linh hoạt và kịp thời trong việc điều chỉnh danh mục đầu tư phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

Hoạt động Đầu tư tự doanh năm 2016 được định hướng tăng cường quản lý lợi nhuận, tận dụng tối đa và chuẩn xác các cơ hội thị trường nhằm tăng tỷ suất lợi nhuận cho MSI. Ban đầu tư sẽ nghiên cứu và có thể đầu tư một vài cổ phiếu IPO có kế hoạch lên sàn rõ ràng. Bên cạnh đó, hạn mức đầu tư và giải ngân sẽ được điều chỉnh phù hợp với tình hình thị trường trong từng thời kỳ.

## HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Công nghệ thông tin vẫn là một trong các thế mạnh của MSI. Năm 2015, Công ty đã không ngừng đầu tư nâng cấp hệ thống, triển khai xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin như MS-Mobile, MS-Trade đem lại các tiện ích tối ưu cho Khách hàng. Bên cạnh đó, các báo cáo trên phần mềm FLEX liên tục được hoàn thiện đáp ứng tối đa nhu cầu xử lý công việc của công ty cũng như phục vụ giao dịch cho các nhà đầu tư. Năm 2015, MSI đã triển khai xây dựng hệ thống front tách bạch với hệ thống back trên phần mềm FLEX nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng công nghệ thông minh của khách hàng và tăng trưởng quy mô kinh doanh công ty. Hệ thống này sẽ được go-live vào tháng 3 năm 2016.

Năm 2016, MSI sẽ tiến hành đầu tư mới lại trung tâm dữ liệu (DC) nhằm hiện đại hóa hệ thống phần cứng và nâng cao một cách căn bản năng lực xử lý của hệ thống, nhằm đảm bảo tốc độ cũng như sự ổn định của hệ thống giao dịch trong dài hạn.

## HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Là một đơn vị kinh doanh uy tín trên thị trường tài chính, chứng khoán Việt Nam, MSI luôn ý thức về các cam kết trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội nơi mà chính doanh nghiệp đang hoạt động. Chúng tôi hiểu rằng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng không chỉ là trách nhiệm của các cơ sở giáo dục của nhà nước, mà các doanh nghiệp cần hỗ trợ đào tạo năng lực thực tiễn. Chính vì vậy, MSI rất tích cực tham gia, đồng hành cùng các Trường Đại học tổ chức các chương trình hướng nghiệp, đào tạo, xâm nhập thực tế cho sinh viên. Hàng năm, nhiều lượt sinh viên đã đến tham quan, kiến tập tại MSI và không ít sinh viên xuất sắc đã trở thành MSI-an sau thời gian thực tập.

Bên cạnh trách nhiệm đối với nguồn nhân lực, MSI còn tích cực tham gia các chương trình thiện nguyện như quyên góp tiền phẫu thuật hàm mặt cho trẻ em thông qua những hành động nhỏ bé như mua bao lì xì của Quỹ Phẫu thuật Nụ Cười (Operation Smile Vietnam). Đóng góp ủng hộ cho trẻ em mồ côi tại một số địa phương.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

## THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime được thành lập theo Quyết định số 77/UBCK-GPHĐKD ngày 11/06/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 371/UBCK-GP ngày 22/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy phép số 381/UBCK-GP ngày 31/12/2010 về việc tăng vốn điều lệ, Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 27/01/2011 về việc thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh, Giấy phép số 25/GPĐC-UBCK ngày 08/04/2011 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, Quyết định số 401/QĐ-UBCK ngày 02/07/2013 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 379/QĐ-UBCK ngày 26/05/2014 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Hà Nội và Giấy phép số 35/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2015 về việc thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank trở thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime.

Hiện tại, Công ty là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1&3, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có 02 chi nhánh: Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tầng 2, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận I, thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 9, TNR Tower Hoàn Kiếm, 115 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Chú thích
Ông Lê Đình Ngọc	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Trung Dũng	Ủy viên HĐQT	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
Ông Thái Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Hoàn	Ủy viên HĐQT	

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Chú thích
Bà Hà Thị Bích Hạnh	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên	
Bà Bùi Thị Bích Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/01/2015
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 07/01/2015

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Chú thích
Ông Mạc Quang Huy	Tổng giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Hoàn	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/02/2016

## SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NĂM TÀI CHÍNH

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình biến động của vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động của vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016  
Đại diện cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc



MẠC QUANG HUY  
Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime, được lập ngày 28/03/2016 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Maritime tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động của vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**MAI LAN PHƯƠNG**  
Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0077-2013-038-1

**TRẦN THỊ NHƯ PHƯƠNG**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2293-2013-038-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.476.174.695.237</b>	<b>1.365.522.701.869</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>381.957.024.681</b>	<b>226.226.252.763</b>
1. Tiền	111		330.457.024.681	224.626.252.763
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.500.000.000	1.600.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.5	<b>123.963.755.736</b>	<b>332.560.889.027</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		126.863.054.577	334.638.996.227
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.899.298.841)	(2.078.107.200)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	V.6	<b>968.969.286.034</b>	<b>805.765.700.865</b>
1. Phải thu khách hàng	131		10.616.543.876	90.144.128
2. Trả trước cho người bán	132		1.101.617.200	563.147.517
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		598.530.845.886	449.760.015.016
5. Các khoản phải thu khác	138		372.326.969.003	355.390.558.815
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(13.606.689.931)	(38.164.611)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.284.628.786</b>	<b>969.859.214</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.004.449.354	802.800.124
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		280.179.432	167.059.090
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.378.505.135</b>	<b>122.464.660.348</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.427.219.623</b>	<b>5.946.332.368</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	121.761.179	159.093.635
- Nguyên giá	222		5.293.877.081	5.293.877.081
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.172.115.902)	(5.134.783.446)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.305.458.444	5.787.238.733
- Nguyên giá	228		9.813.991.248	8.377.551.248
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.508.532.804)	(2.590.312.515)
4. Chi phí XDCB dở dang	230		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>897.376.000</b>	<b>113.169.662.149</b>
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	V.5	897.376.000	113.169.662.149
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.053.909.512</b>	<b>3.348.665.831</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.3	1.764.509.264	2.403.627.927
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	V.4	3.274.400.248	930.037.904
4. Tài sản dài hạn khác	268		15.000.000	15.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.487.553.200.372</b>	<b>1.487.987.362.217</b>

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.024.146.805.548</b>	<b>1.067.859.254.539</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.024.146.805.548</b>	<b>717.859.254.539</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V13.1	620.000.000.000	350.996.450.000
2. Phải trả người bán	312		82.289.800	63.269.800
3. Người mua trả tiền trước	313		373.000.000	271.000.000
4. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	4.426.120.671	5.794.156.451
5. Phải trả người lao động	315		4.280.032.450	7.172.732.243
6. Chi phí phải trả	316	V.10	121.257.149.576	128.785.767.200
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	71.913.405.734	53.554.461.796
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.12	198.820.657.927	163.718.707.634
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		25.417.500	1.820.325
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		11.931.700	6.134.057.300
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.956.800.190	1.366.831.790
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>350.000.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V13.2	-	350.000.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>463.406.394.824</b>	<b>420.128.107.678</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>463.406.394.824</b>	<b>420.128.107.678</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.14	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		829.800.870	829.800.870
8. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	418		11.198.474.096	5.401.187.894

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		151.378.119.858	113.897.118.914
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.487.553.200.372</b>	<b>1.487.987.362.217</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		3.977.205.360.000	3.479.207.830.000
Chứng khoán giao dịch	007		3.753.039.630.000	3.197.486.180.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		7.246.230.000	4.506.100.000
Chứng khoán cầm cố	017		96.940.470.000	163.560.860.000
Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
Chứng khoán chờ thanh toán	027		115.864.690.000	111.409.220.000
Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
Chứng khoán chờ giao dịch	038		4.114.340.000	2.245.470.000
Chứng khoán kỹ quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7. Chứng khoán LK cty đại chúng chưa niêm yết	050		13.045.290.000	7.233.410.000
Chứng khoán giao dịch	051		13.045.290.000	7.233.410.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		-	-
Chứng khoán cầm cố	061		-	-
Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
Chứng khoán chờ thanh toán	071		-	-
Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa LK của cty chứng khoán	083		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đấu giá	084		-	-

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

NGUYỄN THANH HUYỀN

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2015	NĂM 2014
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	V.15	<b>231.481.420.686</b>	<b>243.204.048.454</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán</i>	01.1		44.241.102.452	37.609.219.148
<i>Doanh thu hoạt động ĐTCK, góp vốn</i>	01.2		81.513.634.238	49.219.194.273
<i>Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán</i>	01.3		16.300.000.000	96.927.136.391
<i>Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán</i>	01.4		-	-
<i>Doanh thu hoạt động tư vấn</i>	01.5		14.675.822.731	5.843.440.910
<i>Doanh thu lưu ký chứng khoán</i>	01.6		-	-
<i>Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá</i>	01.7		-	-
<i>Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản</i>	01.8		-	-
<i>Doanh thu khác</i>	01.9		74.750.861.265	53.605.057.732
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	V.15	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>	V.15	<b>231.481.420.686</b>	<b>243.204.048.454</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.16	146.826.836.913	157.900.336.009
<i>Trong đó: Dự phòng giảm giá chứng khoán</i>			-	-
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>84.654.583.773</b>	<b>85.303.712.445</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.312.115.361	13.748.976.771
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>58.342.468.412</b>	<b>71.554.735.674</b>
8. Thu nhập khác	31		8.875.131	16.356.724
9. Chi phí khác	32		366.030.165	6.551.864
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(357.155.034)</b>	<b>9.804.860</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>57.985.313.378</b>	<b>71.564.540.534</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	12.967.840.372	13.591.678.524
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>45.017.473.006</b>	<b>57.972.862.010</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	V.18	<b>1.500,58</b>	<b>1.932,43</b>

  
 NGUYỄN THANH HUYỀN  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016  
  
 MẠC QUANG HUY  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2015

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2015	NĂM 2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>57.985.313.378</b>	<b>71.564.540.534</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.955.552.745	1.724.428.006
- Các khoản dự phòng	03	14.389.716.961	2.060.279.970
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(42.978.270.070)	(44.140.888.824)
- Chi phí lãi vay	06	55.836.427.519	48.181.838.919
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>87.188.740.533</b>	<b>79.390.198.605</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(176.885.230.831)	(184.025.304.968)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp).	11.	22.061.646.415	174.266.646.321
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	437.469.433	(1.670.937.116)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(43.726.453.947)	(27.139.115.930)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.490.252.994)	(6.130.776.610)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	680.090.874	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(14.039.187.593)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(124.733.990.517)</b>	<b>20.651.522.709</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.580.084.000)	(944.110.950)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH khác	22	-	14.040.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(111.428.000.000)	(156.920.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24	181.848.000.000	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(270.236.289.649)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	519.879.316.014	14.138.989.393
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.978.270.070	44.204.957.624
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>361.461.212.435</b>	<b>(93.506.123.933)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	270.000.000.000	376.996.450.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(350.996.450.000)	(240.396.450.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(80.996.450.000)</b>	<b>136.600.000.000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>155.730.771.918</b>	<b>63.745.398.776</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	226.226.252.763	162.480.853.987
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>381.957.024.681</b>	<b>226.226.252.763</b>

  
 NGUYỄN THANH HUYỀN  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016  
  
 MẠC QUANG HUY  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2015

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của CSH	V.13	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	V.13	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của CSH	V.13	829.800.870	829.800.870	-	-	-	-	829.800.870	829.800.870
4. Cổ phiếu quỹ	V.13	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại TS	V.13	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	V.13	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	V.13	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	V.13	2.897.980.870	5.401.187.894	2.503.207.024	-	5.797.286.202	-	5.401.187.894	11.198.474.096
9. Các quỹ khác thuộc VCSH	V.13	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa PP	V.13	59.178.643.697	113.897.118.914	57.972.862.010	3.254.386.793	45.017.473.006	7.536.472.062	113.897.118.914	151.378.119.858
<b>CỘNG</b>		<b>362.906.425.437</b>	<b>420.128.107.678</b>	<b>60.476.069.034</b>	<b>3.254.386.793</b>	<b>50.814.759.208</b>	<b>7.536.472.062</b>	<b>420.128.107.678</b>	<b>463.406.394.824</b>

**NGUYỄN THANH HUYỀN**  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016



**MẠC QUANG HUY**  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime được thành lập theo Quyết định số 77/UBCK-GPHĐKD ngày 11/06/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 371/UBCK-GP ngày 22/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy phép số 381/UBCK-GP ngày 31/12/2010 về việc tăng vốn điều lệ, Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 27/01/2011 về việc thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh, Giấy phép số 25/GPĐC-UBCK ngày 08/04/2011 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, Quyết định số 401/QĐ-UBCK ngày 02/07/2013 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 379/QĐ-UBCK ngày 26/05/2014 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Hà Nội và Giấy phép số 35/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2015 về việc thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank trở thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime.

Hiện tại, Công ty là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

#### Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở tại Tầng 1&3, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có 02 chi nhánh: Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tầng 2, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận I, thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 9, TNR Tower Hoàn Kiếm, 115 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đến ngày 31/12/2015, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 122 người.

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

#### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC, Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính, chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Nhật ký chung.

**Niên độ kế toán của Công ty:** Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

**Đồng tiền hạch toán:** Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

### III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Máy móc thiết bị	04 - 08 năm
Thiết bị quản lý	03 - 08 năm

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định

###### Phần mềm vi tính

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị phần mềm giao dịch chứng khoán mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 - 08 năm.

###### Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Các khoản đầu tư được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc (*giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua*) trừ khoản lãi dồn tích trước ngày mua thực nhận (nếu có). Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giá trị thị trường được sử dụng để trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán đã niêm yết, là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với các chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng một tháng trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

##### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo trì phần mềm, chi phí thuê xe ô tô và các chi phí khác có thời gian phân bổ dưới 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ, giá trị các tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn và chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng có thời gian phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng.

##### Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, kế ước nhận nợ.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ dài hạn.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc niên độ bao gồm tiền lãi vay phải trả cho ngân hàng, lãi trái phiếu và các chi phí phải trả khác.

##### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 là số lãi phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ và lợi nhuận chưa phân phối còn lại từ năm trước.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận của năm tài chính 2014, chi tiết như sau:

Phần lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, được phân phối như sau:

- Trích 5% vào Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Trích 5% vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Trích 2% vào Quỹ khen thưởng;
- Trích 1% vào Quỹ phúc lợi.

##### Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán**

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư, doanh thu này được xác định vào cuối mỗi ngày.

##### **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua, bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận khi khớp lệnh thành công đối với cổ phiếu niêm yết và chuyển quyền sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phiếu chưa niêm yết). Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi trái phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

##### **Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán**

Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định khi thực hiện quyết toán với tổ chức phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán.

##### **Doanh thu hoạt động tư vấn**

Doanh thu hoạt động tư vấn là số phí Công ty được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư và tư vấn khác của Công ty đã thực hiện trong kỳ tài chính được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

##### **Doanh thu lưu ký chứng khoán**

Doanh thu lưu ký chứng khoán là số phí Công ty được hưởng từ các hoạt động lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, doanh thu từ hoạt động ký quỹ, ứng trước tự động,... Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Doanh thu từ hoạt động ký quỹ, ứng trước tự động... được ghi nhận trên cơ sở số phí được hưởng theo tỷ lệ mà Công ty đã công bố với khách hàng.

##### Thuế

##### **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp chịu thuế GTGT 10%.

##### **Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN áp dụng tại Công ty là 22%.

**Các loại thuế khác** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

##### Các công cụ tài chính

##### **Ghi nhận ban đầu và trình bày**

##### **Tài sản tài chính**

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành hoặc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu, các khoản cho vay và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

##### **Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại, Thông tư 210 chưa có quy định về đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo nguyên giá.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt tại quỹ	-	-
Tiền gửi ngân hàng	330.457.024.681	224.626.252.763
<i>Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>198.820.657.927</i>	<i>163.718.707.634</i>
Các khoản tương đương tiền (*)	51.500.000.000	1.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>381.957.024.681</b>	<b>226.226.252.763</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 03 tháng tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Phòng Giao dịch Nguyễn Thái Học, với lãi suất 4,6%/năm.

### 2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng CK giao dịch được thực hiện trong năm	Khối lượng CK giao dịch được thực hiện trong năm
<b>Của Công ty chứng khoán</b>	<b>1.943.830</b>	<b>38.612.824.000</b>
Cổ phiếu	1.943.830	38.612.824.000
Trái phiếu	-	-
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>867.880.720</b>	<b>9.037.238.804.800</b>
Cổ phiếu	866.130.720	8.849.832.554.800
Trái phiếu	1.750.000	187.406.250.000
Chứng chỉ quỹ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>869.824.550</b>	<b>9.075.851.628.800</b>

### 3. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.764.509.264	2.403.627.927
+ <i>Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ</i>	<i>860.983.479</i>	<i>1.450.638.954</i>
+ <i>Chi phí sửa chữa chờ phân bổ</i>	<i>903.525.785</i>	<i>952.988.973</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.764.509.264</b>	<b>2.403.627.927</b>

### 4. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	2.967.304.884	675.539.596
Tiền lãi phân bổ hàng năm	187.095.364	134.498.308
<b>Cộng</b>	<b>3.274.400.248</b>	<b>930.037.904</b>



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

**5. Tình hình đầu tư tài chính**

5.1 Tình hình đầu tư tài chính

CHỈ TIÊU	Số lượng CK		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
<b>A. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>3.704.353</b>	<b>16.489.536</b>	<b>126.863.054.577</b>	<b>334.638.996.227</b>	<b>392.047.485</b>	<b>16.923.899.970</b>	<b>2.899.298.841</b>	<b>2.078.107.200</b>	<b>124.355.803.221</b>	<b>349.484.788.997</b>
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>3.704.353</b>	<b>16.489.536</b>	<b>46.363.054.577</b>	<b>183.718.996.227</b>	<b>392.047.485</b>	<b>16.923.899.970</b>	<b>2.899.298.841</b>	<b>2.078.107.200</b>	<b>43.855.803.221</b>	<b>198.564.788.997</b>
Cổ phiếu niêm yết	1.794.391	13.799.797	31.606.379.885	170.159.646.280	392.047.485	16.923.899.970	2.899.298.841	2.078.107.200	29.099.128.529	185.005.439.050
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	1.909.962	2.689.739	14.756.674.692	13.559.349.947	-	-	-	-	14.756.674.692	13.559.349.947
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>II. Đầu tư tài chính khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>80.500.000.000</b>	<b>150.920.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>80.500.000.000</b>	<b>150.920.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	-	-	80.500.000.000	150.920.000.000	-	-	-	-	80.500.000.000	150.920.000.000
<b>B. Đầu tư dài hạn</b>	<b>24.000</b>	<b>13.618.962</b>	<b>897.376.000</b>	<b>113.169.662.149</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>897.376.000</b>	<b>113.169.662.149</b>
<b>I. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>24.000</b>	<b>13.618.962</b>	<b>897.376.000</b>	<b>113.169.662.149</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>897.376.000</b>	<b>113.169.662.149</b>
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	24.000	13.618.962	897.376.000	113.169.662.149	-	-	-	-	897.376.000	113.169.662.149
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	24.000	13.618.962	897.376.000	113.169.662.149	-	-	-	-	897.376.000	113.169.662.149
<b>II. Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2015, Công ty chưa thực hiện đánh giá lại danh mục chứng khoán chưa niêm yết theo giá thị trường do các chứng khoán này không có giao dịch thực tế phát sinh nên chưa có cơ sở xác định giá thị trường.

5.2 Dự phòng giảm giá chứng khoán

Cổ phiếu niêm yết	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị thị trường
HCM	260.015	9.864.857.325	(1.856.395.325)	8.008.462.000
REE	150.002	4.422.555.386	(642.504.986)	3.780.050.400
ITA	300.004	1.940.025.867	(260.003.467)	1.680.022.400
ITC	412.110	3.592.260.000	(130.536.000)	3.461.724.000
Các chứng khoán khác	672.352	11.771.882.741	(8.721.792)	11.763.160.949
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.794.483</b>	<b>(2.898.161.570)</b>	<b>(2.898.161.570)</b>	<b>28.693.419.749</b>

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

**6. Các khoản phải thu**

CHỈ TIÊU	Số đầu năm			Phát sinh trong năm		Số cuối năm			
	Tổng số	Số quá hạn	DP đã lập	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	DP đã lập
1. Phải thu của khách hàng	90.144.128		25.000.000	26.251.282.775	15.724.883.027	10.616.543.876	-	25.000.000	25.000.000
2. Trả trước cho người bán	563.147.517	-	-	1.394.680.867	856.211.184	1.101.617.200	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch CK	449.760.015.016	13.164.611	13.164.611	18.110.787.477.167	17.962.016.646.297	598.530.845.886	13.581.689.931	-	13.581.689.931
+ Phải thu Trung tâm lưu ký CK	-	-	-	12.795.370.000	12.795.370.000	-	-	-	-
+ Phải thu của khách hàng về GDCK	449.760.015.016	13.164.611	13.164.611	18.097.992.107.167	17.949.221.276.297	598.530.845.886	13.581.689.931	-	13.581.689.931
4. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác (*)	355.390.558.815	-	-	353.810.478.686	336.874.068.498	372.326.969.003	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>805.803.865.476</b>	<b>13.164.611</b>	<b>38.164.611</b>	<b>18.492.243.919.495</b>	<b>18.315.471.809.006</b>	<b>982.575.975.965</b>	<b>13.581.689.931</b>	<b>25.000.000</b>	<b>13.606.689.931</b>

(\*) Chi tiết khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2015:

	<u>Số tiền</u>
Phải thu về lãi đầu tư, lãi dự thu cho vay ký quỹ	102.808.384.263
Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư (**)	251.070.000.000
Phải thu khác	18.448.584.740
<b>Cộng</b>	<b>372.326.969.003</b>

(\*\*) Chi tiết các hợp đồng ủy thác đầu tư tại ngày 31/12/2015

Đối tác	Số hợp đồng	Giá trị giải ngân	Phải thu lãi đến 31/12/2015	Tổng gốc và lãi đến 31/12/2015
Công ty TNHH Đầu Tư Phúc Tiến	18/2012/HDUTDT/NV-MSBS-PT	64.270.000.000	23.442.482.500	87.712.482.500
Công ty CP Thương mại và Xúc tiến đầu tư Tân Việt	20/2012/HDUTDT/NV-MSBS-TV	130.000.000.000	37.963.611.111	167.963.611.111
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hải Tiến	21/2012/HDUTDT/NV-MSBS-HT	6.800.000.000	1.868.488.889	8.668.488.889
Công ty CP đầu tư sản xuất và thương mại Trường Giang	22/2012/HDUTDT/NV-MSBS-TG	50.000.000.000	13.786.805.556	63.786.805.556
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>251.070.000.000</b>	<b>77.061.388.056</b>	<b>328.131.388.056</b>

Các hợp đồng ủy thác đầu tư này trong năm 2015 đang áp dụng mức lãi suất cố định là 9%/năm

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**6. Các khoản phải thu**

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015:

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Số dư đầu năm	(38.164.611)	(38.164.611)
Số trích lập trong năm (***)	(13.568.525.320)	-
Số hoàn nhập trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>(13.606.689.931)</u>	<u>(38.164.611)</u>

(\*\*) Chi tiết các đối tượng trích lập dự phòng bổ sung năm 2015

<b>Đối tượng</b>	<b>Dư nợ phải thu</b>	<b>Dự phòng trích lập</b>
Phạm Thị Thúy	7.216.783.587	7.216.783.587
Lê Thị Hà	5.637.882.797	5.637.882.797
Phan Hồng Sơn	512.377.232	512.377.232
Các cá nhân khác	201.481.704	201.481.704
<b>Cộng</b>		<b><u>13.568.525.320</u></b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, Thiết bị</b>	<b>Phương tiện VT, truyền dẫn</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	-	<b>5.293.877.081</b>	-	-	<b>5.293.877.081</b>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý tài sản	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	<b>5.293.877.081</b>	-	-	<b>5.293.877.081</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	-	<b>5.134.783.446</b>	-	-	<b>5.134.783.446</b>
- Khấu hao trong năm	-	37.332.456	-	-	37.332.456
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	<b>5.172.115.902</b>	-	-	<b>5.172.115.902</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	-	159.093.635	-	-	159.093.635
Tại ngày 31/12/2015	-	121.761.179	-	-	121.761.179

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 4.958.797.621 đồng  
 Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng: 207.170.260 đồng  
 Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: đồng

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Quyền phát hành</b>	<b>Bản quyền bằng sáng chế</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	-	-	-	<b>8.377.551.248</b>	<b>8.377.551.248</b>
- Mua trong kỳ	-	-	-	1.436.440.000	1.436.440.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	-	-	<b>9.813.991.248</b>	<b>9.813.991.248</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	-	-	-	<b>2.590.312.515</b>	<b>2.590.312.515</b>
- Khấu hao trong năm	-	-	-	1.918.220.289	1.918.220.289
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	-	-	<b>4.508.532.804</b>	<b>4.508.532.804</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2015	-	-	-	5.787.238.733	5.787.238.733
Tại ngày 31/12/2015	-	-	-	5.305.458.444	5.305.458.444



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Thuế giá trị gia tăng	45.078.007	121.609.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.314.892.388	3.837.305.010
Thuế thu nhập cá nhân	2.066.150.276	1.835.241.637
<b>Cộng</b>	<b>4.426.120.671</b>	<b>5.794.156.451</b>

**10. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Lãi vay phải trả	366.666.667	4.948.573.389
Lãi trái phiếu phải trả	116.261.388.889	121.744.250.000
Chi phí phải trả khác	4.629.094.020	2.092.943.811
<b>Cộng</b>	<b>121.257.149.576</b>	<b>128.785.767.200</b>

**11. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Kinh phí công đoàn	253.332.178	112.401.178
Bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm thất nghiệp	85.403.751	54.183.116
Các khoản phải trả phải nộp khác	71.574.669.805	53.387.877.502
+ Khách hàng đặt cọc môi giới chứng khoán - CN HCM	6.344.168.166	24.847.144.000
+ Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông Ngân hàng Hàng Hải	2.711.243.290	3.038.705.701
+ Đặt cọc mua chứng khoán CTCP Quản lý Quỹ Tín Phát	-	16.000.000.000
+ Phải trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	45.095.999.949	-
+ Các khoản phải trả khác	17.423.258.400	9.502.027.801
<b>Cộng</b>	<b>71.913.405.734</b>	<b>53.554.461.796</b>

**12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Phải trả trung tâm Lưu ký chứng khoán	132.977.872.700	112.312.304.000
Nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư	65.842.785.227	51.406.403.634
<b>Cộng</b>	<b>198.820.657.927</b>	<b>163.718.707.634</b>

**13. Vay và nợ**

13.1 Vay và nợ ngắn hạn

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	220.000.000.000	146.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	220.000.000.000	146.000.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	84.996.450,000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	84.996.450.000
<i>Trái phiếu phát hành đến hạn trả</i>	400.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	350.000.000.000	120.000.000.000
- Nguyễn Thị Thu Giang	50.000.000.000	120.000.000,000
<b>Cộng vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>620.000.000.000</b>	<b>350.996.450.000</b>

13.2 Vay và nợ dài hạn

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Trái phiếu phát hành	-	350.000.000,000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>350.000.000,000</b>

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

**14. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>300.000.000.000</b>	-	<b>829.800.870</b>	-	<b>2.897.980.870</b>	<b>59.178.643.697</b>	<b>362.906.425.437</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	57.972.862.010	57.972.862.010
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	2.503.207.024	(3.254.386.793)	(751.179.769)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	<b>300.000.000.000</b>	-	<b>829.800.870</b>	-	<b>5.401.187.894</b>	<b>113.897.118.914</b>	<b>420.128.107.678</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	45.017.473.006	45.017.473.006
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	5.797.286.202	(7.536.472.062)	(1.739.185.860)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>300.000.000.000</b>	-	<b>829.800.870</b>	-	<b>11.198.474.096</b>	<b>151.378.119.858</b>	<b>463.406.394.824</b>

(\*) Trong năm, Công ty đang thực hiện phân phối lợi nhuận của năm tài chính 2014 theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên với tỷ lệ trích 5% vào quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, 2% vào quỹ khen thưởng và 1% vào quỹ phúc lợi.

	31/12/2015			01/01/2015		
	Tổng số	Cổ phiếu thưởng	CP Ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thưởng	CP Ưu đãi
Vốn góp của các cổ đông (*)	300.000.000.000	300.000.000.000	-	300.000.000.000	300.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>-</b>

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

(\*) Chi tiết vốn đầu tư của các cổ đông tại thời điểm 31/12/2015:

	Số vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	32.9970.500.000	11%
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Hạ Tầng Nam Đức	28.525.000.000	9,51%
Công ty TNHH Bất Động Sản MSB	26.302.500.000	8,77%
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển VID Thanh Hóa	20.457.500.000	6,82%
Công ty TNHH Nam Hòa	25.527.500.000	8,51%
Ông Bùi Đình Chiên	27.000.000.000	9%
Ông Trần Phi Hạnh	27.000.000.000	9%
Bà Hà Thị Bích Hạnh	26.676.000.000	8,89%
Ông Nguyễn Thanh Dương	25.050.000.000	8,35%
Các cổ đông khác sở hữu dưới 5%	60.464.000.000	20,15%
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2015	Năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	300.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Cổ phiếu:		
	Năm 2015	Năm 2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND)

	Năm 2015	Năm 2014
<b>15. Doanh thu</b>		
<b>Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>231.481.420.686</b>	<b>243.204.048.454</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	44.241.102.452	37.609.219.148
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	81.513.634.238	49.219.194.273
+ Cổ tức	3.826.840	10.517.112.787
+ Lãi do bán CK, thanh lý khoản đầu tư	58.599.489.898	12.003.638.150
+ Lợi nhuận hợp đồng Ủy thác đầu tư	22.910.317.500	26.698.443.336
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	16.300.000.000	96.927.136.391
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	14.675.822.731	5.843.440.910
Doanh thu khác	74.750.861.265	53.605.057.732
+ Lãi tiền gửi	20.064.125.730	6.989.401.501
+ Doanh thu khác	54.686.735.535	46.615.656.231
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>231.481.420.686</b>	<b>243.204.048.454</b>
<b>16. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>		
	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	27.430.545.636	36.340.488.672
Chi phí bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	11.613.752.698	21.242.213.408
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	839.018.871	2.060.279.970
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	55.836.427.519	44.236.327.784
+ Chi phí lãi vay	26.907.488.110	7.465.812.056
+ Chi phí trả lãi cho nhà đầu tư	460.003.299	358.293.501
+ Chi phí phát hành trái phiếu	28.468.936.110	36.412.222.227
Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	51.107.092.189	54.021.026.175
+ Chi phí nhân viên	33.304.230.235	25.397.663.034
+ Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	1.738.021.647	1.280.575.709
+ Chi phí khấu hao và phân bổ	1.931.383.623	1.628.354.719
+ Chi phí đặt cọc môi giới	2.225.007.056	1.541.372.401
+ Chi phí khác	11.908.449.628	24.173.060.312
<b>Cộng</b>	<b>146.826.836.913</b>	<b>157.900.336.009</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm nay	12.967.840.372	13.591.678.524
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.967.840.372</b>	<b>13.591.678.524</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty phát sinh trong năm:

	Năm 2015	Năm 2014
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>	<b>57.985.313.378</b>	<b>71.564.540.534</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>	<b>959.415.585</b>	<b>(9.784.186.424)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	963.242.425	732.926.363
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	963.242.425	732.926.363
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.826.840)	(10.517.112.787)
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(3.826.840)	(10.517.112.787)
<i>Cổ tức</i>	<i>(3.826.840)</i>	<i>(10.517.112.787)</i>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước</b>	<b>58.944.728.963</b>	<b>61.780.354.110</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>58.944.728.963</b>	<b>61.780.354.110</b>
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	12.967.840.372	13.591.678.524
<b>Thuế TNDN phải trả đầu năm</b>	<b>3.837.305.010</b>	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	(3.623.596.904)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(14.490.252.994)	(6.130.776.610)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>2.314.892.388</b>	<b>3.837.305.010</b>

### 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.017.473.006	57.972.862.010
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	45.017.473.006	57.972.862.010
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.500,58</b>	<b>1.932,43</b>

	Năm 2015	Năm 2014
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ bình quân mua lại trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000

## VIII. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### 1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết là 28.707.081.044 VND (ngày 31/12/2014 là 168.081.539.080 VND). Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.



## VIII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

#### Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

#### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### Hoạt động giao dịch ký quỹ

Công ty không có khoản phải thu nào bị quá hạn hay có nguy cơ bị tổn thất tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty.

#### Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Không kỳ hạn	Đến 03 tháng	Từ 03 - 12 tháng	Từ 01-05 năm	Tổng cộng
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>					
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	<b>46.363.054.577</b>				<b>46.363.054.577</b>
Chứng khoán thương mại	46.363.054.577	-	-	-	46.363.054.577
Cổ phiếu niêm yết	31.606.379.885	-	-	-	31.606.379.885
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.756.674.692	-	-	-	4.756.674.692
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	-	-	<b>80.500.000.000</b>	-	<b>80.500.000.000</b>
<b>Phải thu khách hàng và các khoản phải thu</b>	-	<b>955.362.596.103</b>	-	<b>13.606.689.931</b>	<b>968.969.286.034</b>
<b>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</b>	<b>897.376.000</b>	-	-	-	<b>897.376.000</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	897.376.000	-	-	-	897.376.000
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	897.376.000	-	-	-	897.376.000
Trái phiếu	-	-	-	-	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	-	-	-	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>330.457.024.681</b>	<b>51.500.000.000</b>	-	-	<b>381.957.024.681</b>
<b>CÔNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<b>377.717.455.258</b>	<b>1.006.862.596.103</b>	<b>80.500.000.000</b>	<b>13.606.689.931</b>	<b>1.478.686.741.292</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>					
Vay và nợ	-	-	620.000.000.000	-	620.000.000.000
Phải trả người bán	-	82.289.800	-	-	82.289.800
Người mua trả tiền trước	373.000.000	-	-	-	373.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	198.820.657.927	-	-	198.820.657.927
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	11.931.700	-	-	11.931.700
Chi phí phải trả	121.257.149.576	-	-	-	121.257.149.576
Các khoản phải trả, phải nộp khác	71.913.405.734	-	-	-	71.913.405.734
<b>CÔNG NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>	<b>193.543.555.310</b>	<b>198.914.879.427</b>	<b>620.000.000.000</b>	-	<b>1.012.458.434.737</b>

## VIII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 2. Thời gian đáo hạn của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Tiếp theo)

Ngày 01 tháng 01 năm 2015	Không kỳ hạn	Đến 03 tháng	Từ 03 - 12 tháng	Từ 01 - 05 năm	Tổng cộng
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>					
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	<b>183.718.996.227</b>	-	-	-	<b>183.718.996.227</b>
Chứng khoán thương mại	183.718.996.227	-	-	-	183.718.996.227
Cổ phiếu niêm yết	170.159.646.280	-	-	-	170.159.646.280
Cổ phiếu chưa niêm yết	13.559.349.947	-	-	-	13.559.349.947
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	-	-	<b>150.920.000.000</b>	-	<b>150.920.000.000</b>
<b>Phải thu khách hàng và các khoản phải thu</b>	-	<b>805.727.536.254</b>	-	<b>38.164.611</b>	<b>805.765.700.865</b>
<b>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</b>	<b>113.169.662.149</b>	-	-	-	<b>113.169.662.149</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	113.169.662.149	-	-	-	113.169.662.149
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	113.169.662.149	-	-	-	113.169.662.149
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	-	-	-	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>224.626.252.763</b>	<b>1.600.000.000</b>	-	-	<b>226.226.252.763</b>
<b>CỘNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<b>521.514.911.139</b>	<b>807.327.536.254</b>	<b>150.920.000.000</b>	<b>38.164.611</b>	<b>1.479.800.612.004</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>					
Vay và nợ	-	-	350.996.450.000	350.000.000.000	700.996.450.000
Phải trả người bán	-	63.269.800	-	-	63.269.800
Người mua trả tiền trước	271.000.000	-	-	-	271.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	163.718.707.634	-	-	163.718.707.634
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	6.134.057.300	-	-	6.134.057.300
Chi phí phải trả	128.785.767.200	-	-	-	128.785.767.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	53.554.461.796	-	-	-	53.554.461.796
<b>CỘNG NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>	<b>182.611.228.996</b>	<b>169.916.034.734</b>	<b>350.996.450.000</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>1.053.523.713.730</b>



## VIII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 3. So sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính

TÀI SẢN TÀI CHÍNH	GIÁ TRỊ GHI SỔ				GIÁ TRỊ HỢP LÝ	
	31/12/2015		01/01/2015		31/12/2015	01/01/2015
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả HĐKD</b>	<b>46.363.054.577</b>	<b>(2.899.298.841)</b>	<b>183.718.996.227</b>	<b>(2.078.107.200)</b>	<b>43.463.755.736</b>	<b>181.640.889.027</b>
Chứng khoán thương mại	46.363.054.577	(2.899.298.841)	183.718.996.227	(2.078.107.200)	43.463.755.736	181.640.889.027
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	31.606.379.885	(2.899.298.841)	170.159.646.280	(2.078.107.200)	28.707.081.044	168.081.539.080
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	14.756.674.692	-	13.559.349.947	-	14.756.674.692	13.559.349.947
<i>Trái phiếu</i>	-	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>80.500.000.000</b>	-	<b>150.920.000.000</b>	-	<b>80.500.000.000</b>	<b>150.920.000.000</b>
<b>Phải thu khách hàng và các khoản phải thu</b>	<b>982.575.975.965</b>	<b>(13.606.689.931)</b>	<b>805.765.700.865</b>	<b>(38.164.611)</b>	<b>968.969.286.034</b>	<b>805.727.536.254</b>
<b>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</b>	<b>897.376.000</b>	-	<b>113.169.662.149</b>	-	<b>897.376.000</b>	<b>113.169.662.149</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	897.376.000	-	113.169.662.149	-	897.376.000	113.169.662.149
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	897.376.000	-	113.169.662.149	-	897.376.000	113.169.662.149
<i>Trái phiếu</i>	-	-	-	-	-	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Tiền mặt</b>	<b>381.957.024.681</b>	-	226.226.252.763	-	381.957.024.681	226.226.252.763
<b>CỘNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	<b>1.492.293.431.223</b>	<b>(16.505.988.772)</b>	<b>1.479.800.612.004</b>	<b>(2.116.271.811)</b>	<b>1.475.787.442.451</b>	<b>1.477.684.340.193</b>

NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH	GIÁ TRỊ GHI SỔ				GIÁ TRỊ HỢP LÝ	
	31/12/2015		01/01/2015		31/12/2015	01/01/2015
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Vay và nợ	620.000.000.000	-	700.996.450.000	-	620.000.000.000	700.996.450.000
Phải trả người bán	82.289.800	-	63.269.800	-	82.289.800	63.269.800
Người mua trả tiền trước	373.000.000	-	271.000.000	-	373.000.000	271.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	198.820.657.927	-	163.718.707.634	-	198.820.657.927	163.718.707.634
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	11.931.700	-	6.134.057.300	-	11.931.700	6.134.057.300
Chi phí phải trả	121.257.149.576	-	128.785.767.200	-	121.257.149.576	128.785.767.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	71.913.405.734	-	53.554.461.796	-	71.913.405.734	53.554.461.796
<b>CỘNG NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>	<b>1.012.458.434.737</b>	-	<b>1.053.523.713.730</b>	-	<b>1.012.458.434.737</b>	<b>1.053.523.713.730</b>

## VIII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn khác và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi tại ngày lập báo cáo
- Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết được xác định dựa trên giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, các bên được nhận biết là Bên liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime bao gồm:

Tên	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	Cổ đồng góp vốn trên 5%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức	Cổ đồng góp vốn trên 5%
Công ty TNHH Bất Động Sản MSB	Cổ đồng góp vốn trên 5%
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển VID Thanh Hóa	Cổ đồng góp vốn trên 5%
Công ty TNHH Nam Hòa	Cổ đồng góp vốn trên 5%
Ông Trần Phi Hạnh	Cổ đồng góp vốn trên 5%
Ông Bùi Đình Chiên	Cổ đồng góp vốn trên 5%
Bà Hà Thị Bích Hạnh	Cổ đồng góp vốn trên 5%
Ông Nguyễn Thanh Dương	Cổ đồng góp vốn trên 5%
Ông Mạc Quang Huy	Cổ đồng góp vốn trên 5%
	Tổng Giám đốc

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty phát sinh trong năm (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc), chi tiết như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương và phụ cấp	3.011.282.457	3.096.696.097
<b>Cộng</b>	<b>3.011.282.457</b>	<b>3.096.696.097</b>

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

Các bên có liên quan	Nội dung	Giá trị (VNĐ)
1. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức	Chuyển nhượng cổ phiếu MSB	3,096,967,800
2. Anh Trần Phi Hạnh	Cầm cố 9.865 triệu cổ phiếu MSB làm tài sản đảm bảo cho khoản ủy thác đầu tư Công ty TNHH Đầu tư Phúc Tiến và CTY CP Đầu tư Phát triển Hải Tiến	-

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Nội dung	Khoản phải trả	Khoản phải trả
1. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức	- Chuyển nhượng cổ phiếu MSB (TK135)	3.096.967.800	-

### 2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính.

### 3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO. Một số chỉ tiêu được phân loại và trình bày lại cho phù hợp với quy định tại Thông tư 200/2014/TT - BTC.

Chỉ tiêu	Mã số	Số trên BCKT năm trước	Số phân loại lại	Chênh lệch
<b>A. Bảng cân đối kế toán</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	311	146.000.000.000	350.996.450.000	204.996.450.000
Vay và nợ dài hạn	334	554.996.450.000	350.000.000.000	(204.996.450.000)

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

  
**NGUYỄN THANH HUYỀN**  
 Kế toán trưởng

  
**MẠC QUANG HUY**  
 Tổng Giám đốc